

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13/9/2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trương Ngọc Phượng và ông Ma Văn Sơn.

Thư ký Tòa án: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Phùng Vĩnh C, sinh năm 1983; ĐKHKT: Thôn TT, xã TH, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông; tạm trú: Thôn PT, xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Chị Ngô Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn PT, xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, (vắng mặt lần 02, đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2021, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn anh Phùng Vĩnh C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Phùng Vĩnh C và chị Ngô Thị N qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YN, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 18/12/2006. Anh C và chị N được gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán tại địa phương, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh C tại thôn PT, xã PT, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang; khoảng thời gian hơn 01 năm sau thì anh C và chị N cùng nhau đi làm ăn xa và sinh sống tại thôn TT, xã TH, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông, thỉnh thoảng hai vợ chồng có trở về thăm gia đình bố mẹ vào các dịp lễ tết trong năm. Thời gian đầu anh C và chị N chung sống hòa thuận, hạnh phúc

không xảy ra mâu thuẫn, cho đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh C xác định là do chị N bỏ đi làm ăn xa, ít có thời gian quan tâm chăm sóc gia đình và chồng con, gia đình có khuyên bảo nhưng chị N không về, vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Anh C xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Ngô Thị N.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh C và chị N có 01 con chung là Phùng Minh Đ, sinh ngày 03/11/2007, hiện con đang sống cùng anh C. Sau khi ly hôn anh C có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải lần 01 và lần 02 cho đến tại phiên tòa, bị đơn chị Ngô Thị N đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phùng Vĩnh C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với ông Hà Xuân T - Trưởng thôn PT, xã PT; bà Lâm Thị N - Trưởng thôn CM, xã YN và Công an xã PT, xác định chị Ngô Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn PT, xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên thực tế hiện nay chị N đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương; tiến hành xác minh đối với chị Nguyễn Thị N (là chị dâu của chị N, do bố đẻ chị N đã chết, mẹ đẻ bị bệnh tai biến) chị N chỉ biết chị N đi làm ăn xa còn làm việc tại đâu? địa chỉ cụ thể và tạm trú như thế nào thì chị không nắm được, do giữa chị và chị N chỉ liên lạc qua số điện thoại; chị N không xác định được khi nào chị N mới trở về gia đình, địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị N như thế nào thì chị N không biết. Chị N có nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và đã thông báo cho chị Ngô Thị N biết về việc anh Phùng Vĩnh C có đơn xin ly hôn (thông tin qua điện thoại di động cho chị N).

Qua xác minh đối với ông Vũ Trung T - Trưởng thôn TT, xã TH, huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông xác định anh Phùng Vĩnh C và chị Ngô Thị N có từng sinh sống tại địa phương, nhưng hiện nay đã sống ly thân do chị N đã bỏ đi khỏi địa phương hơn 10 năm nay, chỉ có anh C một mình nuôi con từ đó đến nay không thấy chị N trở về địa phương (biên bản xác minh ngày 08/4/2022 (BL 36, 37) và ngày 29/4/2022 (BL 58)).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phùng Vĩnh C, cho anh Phùng Vĩnh C được ly hôn chị Ngô Thị N; về con chung: Giao cháu Phùng Minh Đ, sinh ngày 03/11/2007 cho anh Phùng Vĩnh C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Ngô Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề cập xem xét. Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phùng Vĩnh C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Ngô Thị N; chị Ngô Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn PT, xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Theo cung cấp của Công an xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì chị Ngô Thị N có hộ khẩu thường trú tại thôn PT, xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị N đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị N đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với chị N đến Tòa án để làm việc nhưng chị N vắng mặt không có lý do, chị N đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phùng Vĩnh C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Ngô Thị N vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phùng Vĩnh C và chị Ngô Thị N là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh C và chị N chung sống tại thôn PT, xã PT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, sau đó chuyển vào sinh sống tại thôn TT, xã TH, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông, trong quá trình chung sống vợ

chồng thời gian đầu anh C và chị N chung sống hòa thuận, hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn, cho đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh C xác định là do chị N bỏ đi làm ăn xa, ít có thời gian quan tâm chăm sóc gia đình và chồng con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, anh C xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Ngô Thị N.

Qua điều tra xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị N đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thể hiện tại biên bản xác minh đối với ông Vũ Trung T - Trưởng thôn TT, xã TH, huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông, xác định anh Phùng Vĩnh C và chị Ngô Thị N có từng sinh sống tại địa phương, nhưng hiện nay đã sống ly thân do chị N đã bỏ đi khỏi địa phương hơn 10 năm nay, chỉ có anh C một mình nuôi con từ đó đến nay không thấy chị N trở về địa phương (BL 36, 37, 58), thấy rằng anh C và chị N sống ly thân đã lâu và kể từ khi ly thân, giữa anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, do vậy giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phùng Vĩnh C, cho anh C được ly hôn chị Ngô Thị N.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa anh C và chị N có 01 con là Phùng Minh Đ, sinh ngày 03/11/2007, anh C có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Chị N không có mặt tại gia đình và địa phương, đồng thời cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm ý kiến về quyền nuôi dưỡng con; tại biên bản ghi lời khai đối với cháu Đ thể hiện khi bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được bố trực tiếp nuôi dưỡng; do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Phùng Minh Đ cho anh Phùng Vĩnh C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Phùng Vĩnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị Ngô Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Phùng Vĩnh C, cho anh Phùng Vĩnh C được ly hôn chị Ngô Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Minh Đ, sinh ngày 03/11/2007 cho anh Phùng Vĩnh C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ngô Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Phùng Vĩnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng). Anh C đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0003578 ngày 12/11/2021 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (anh C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn). Chị Ngô Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã YN (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh